

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HC-ST

Ngày: 15-7-2021

V/v *Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và hành vi hành chính không lập phương án bồi thường, hỗ trợ.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Ngọc Minh

2. Bà Đào Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Chiêm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 57/2019/HC-ST ngày 09 tháng 4 năm 2019 về “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và hành vi hành chính không lập phương án bồi thường, hỗ trợ*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HC ngày 01 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1951.

Địa chỉ: số 736/7, đường B, phường C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Chí N, sinh năm 1986 (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố 1, phường C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh V, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố D, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 38, đường Lê Lợi, phường C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Nguyễn Văn M và người đại diện ông Nguyễn Chí N trình bày:

Ông Nguyễn Văn M có diện tích 1.040,13 m² đất nông nghiệp thuộc thửa số 18 và thửa số 86 tờ bản đồ số 96, 97, tọa lạc tại khu phố 6, phường An Hòa, thành phố D, tỉnh Kiên Giang, có nguồn gốc nằm trong tổng diện tích đất do cha ông M khai phá từ trước năm 1975. Gia đình ông M sử dụng để trồng cây lâu năm và hoa màu liên tục từ trước cho đến nay.

Ngày 15/12/2017 Ủy ban nhân dân thành phố D ban hành Quyết định số 688/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất nêu trên của ông M để thực hiện công trình xây dựng đường và dãy nhà ở dọc theo đường 3/2 tại phường C, thành phố D. Tại Quyết định này Ủy ban nhân dân thành phố D xác định đất của ông M có 429,12m² là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và 611,01m² là đất Nhà nước quản lý.

Ngày 18/12/2017 Ủy ban nhân dân thành phố D ban hành Quyết định số 654/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông M đối với diện tích đất 429,12m² với tổng số tiền 960.462.000 đồng. Còn lại diện tích đất 611,01m² Ủy ban nhân dân thành phố D không bồi thường.

Ông M không đồng ý với quyết định bồi thường nên làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D.

Ngày 31/7/2018 Chủ tịch UBND thành phố D ban hành quyết định số 128/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại, có nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông M.

Ông M nhận thấy, việc UBND thành phố D thu hồi đất của gia đình ông để phục vụ cho mục đích công cộng nhưng không bồi thường là không đúng với quy định của pháp luật.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Hủy một phần Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố D về việc thu hồi đất, cụ thể phần có diện tích 611,01m² là đất Nhà nước quản lý.

2. Hủy Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc giải quyết khiếu nại.

3. Buộc UBND thành phố D ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ mới theo đúng qui định của pháp luật đối với diện tích đất 611,01m² cho ông M.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại ngày 18/6/2021 và văn bản ngày 22/6/2021 ông Nguyễn Chí N là người đại diện cho ông M xác định lại yêu cầu khởi kiện của ông M như sau:

Hủy Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc giải quyết khiếu nại.

Buộc UBND thành phố D ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ mới theo đúng qui định của pháp luật đối với diện tích đất 611,01m² cho ông M.

Rút các yêu cầu khởi kiện khác theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện đại diện UBND thành phố D trình bày:

Ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 3037/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của thành phố D.

Ngày 08/8/2017 UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Công văn số 1252/UBND-KTCN về việc thực hiện bổ sung danh mục Dự án cần thu hồi đất năm 2017 đối với Dự án chỉnh trang đô thị xây dựng dãy nhà dọc đường 3 tháng 2, phường C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 15/12/2017 UBND thành phố D ban hành Quyết định số 688/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Văn M.

Ngày 18/12/2017 UBND thành phố D ban hành Quyết định số 654/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn M.

Ông M không đồng ý với quyết định bồi thường nên làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố D.

Ngày 31/7/2018 Chủ tịch UBND thành phố D ban hành Quyết định số 128/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn M.

Việc UBND thành phố Rạch Giá và Chủ tịch UBND thành phố D thực hiện thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Văn M là đúng theo qui định của pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện người khởi kiện, đại diện người bị kiện đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án; việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Qua xem xét tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 165; điểm b khoản 3 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính:

Đình chỉ yêu cầu hủy một phần Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố D về việc thu hồi đất.

Hủy Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Văn M.

Buộc UBND thành phố D ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ theo đúng qui định của pháp luật đối với diện tích đất 611,01m² cho ông Nguyễn Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Văn M yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc giải quyết khiếu nại và buộc UBND thành phố D ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ theo đúng qui định của pháp luật đối với diện tích đất 611,01m² cho ông M là khiếu kiện các quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Thời hiệu khởi kiện:

Ngày 20/3/2019 ông Nguyễn Văn M nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc giải quyết khiếu nại đối với ông M. Kể từ ngày ông M nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại cho đến ngày nộp đơn khởi kiện tại Tòa án chưa hết một năm là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Chí N là người đại diện cho ông M, ông Nguyễn Văn Hôn là người đại diện cho UBND thành phố D và Chủ tịch UBND thành phố D đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt người khởi kiện, người bị kiện theo qui định tại Điều 158 Luật Tổ tụng Hành chính.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Thẩm quyền ban hành quyết định bị kiện:

Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố D là quyết định giải quyết khiếu nại nên Chủ tịch UBND thành phố D ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại.

[2.2] Xét nội dung của Quyết định giải quyết khiếu nại:

Ngày 15/12/2017 Ủy ban nhân dân thành phố D ban hành Quyết định số 688/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất nêu trên của ông M để thực hiện công trình xây dựng đường và dãy nhà ở dọc theo đường 3 tháng 2 tại phường C, thành phố D. Về nguồn gốc đất này do ông Nguyễn Văn N cha của ông M tự khai phá và quản lý sử dụng từ trước năm 1975. Sau đó cho lại ông M toàn bộ diện tích đất này dùng để cất nhà ở và trồng hoa màu, tại thời điểm thu hồi đất ông M chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đang khiếu kiện.

Sau khi thu hồi đất UBND thành phố D chỉ bồi thường cho ông M diện tích đất 490,93m², diện tích đất còn lại trong Quyết định thu hồi đất ghi là đất Nhà nước quản lý nên ông M không được bồi thường.

Tại biên bản tiếp cận công khai chứng cứ ngày 18/6/2021 đại diện UBND thành phố D xác định diện tích đất 611,01m² của ông M không được xem xét bồi thường, hỗ trợ là đất nông nghiệp.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/8/2021 xác định trên diện tích đất ông M đang khiếu kiện có 03 cây dừa, 01 cây mít, 01 bụi chuối và 06 gốc dừa ... cùng mục đích sử dụng như diện tích đất đã được bồi thường.

UBND thành phố D không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc Nhà nước quản lý như thế nào đối với diện tích đất này trước khi có Quyết định thu hồi đất.

Căn cứ biên bản đo đạc kiểm kê diện tích đất đai, vật kiến trúc, cây trồng, hoa màu ngày 04/5/2017 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng của UBND thành phố D xác nhận, diện tích đất 611,01m² của ông M có nguồn gốc do cụ Nguyễn Văn N khai khẩn sử dụng trước năm 1975, sau đó cho lại con là ông M sử dụng cho đến nay.

Như vậy, có căn cứ để xác định diện tích đất 1.040,13 m² (trong đó có diện tích đất 611,01m² ông M khởi kiện) tọa lạc tại phường An Hòa, thành phố D có quá trình sử dụng đất trước ngày 01/7/2004, không có tranh chấp với ai.

Diện tích đất 611,01m² của ông M chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên căn cứ khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013 quy định “Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế sử dụng” như vậy, trường hợp của ông M đủ điều kiện để được xem xét bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất; phù hợp theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

UBND thành phố D thu hồi đất của ông M diện tích 1.040,13m² nhưng chỉ bồi thường, hỗ trợ diện tích 490,93m², còn diện tích 611,01m² không bồi thường, hỗ trợ cho ông M là trái quy định của pháp luật, vì vậy cần phải hủy

Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc giải quyết khiếu nại.

Ông M không yêu cầu giải quyết khiếu nại lại nên không cần thiết kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố D ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lại.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện ông M đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố D về việc thu hồi đất nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của ông M.

Từ những nhận định trên sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, hủy Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn M.

Buộc UBND thành phố D ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ theo đúng qui định của pháp luật đối với diện tích đất 611,01m² cho ông Nguyễn Văn M.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung, đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố D về việc thu hồi đất.

[3] Án phí hành chính sơ thẩm:

UBND thành phố D phải chịu án phí 300.000 đồng; Chủ tịch UBND thành phố D phải chịu án phí 300.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn M thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 165, 193, 194 của Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại;

- Căn cứ khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 13 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

- Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

- Hủy Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn M.

- Buộc UBND thành phố D ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ mới theo đúng qui định của pháp luật đối với diện tích đất 611,01m² cho ông Nguyễn Văn M.

- Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố D về việc thu hồi đất.

2. Về án phí:

UBND thành phố D phải chịu án phí 300.000 đồng; Chủ tịch UBND thành phố D phải chịu án phí 300.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn M thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Thu